TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Nguyễn Văn Ngư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Năm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Diễm K, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện tại: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, nhưng bà K có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Bùi Tấn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2024 của nguyên đơn là bà Trần Diễm K và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều trình*

bày:

Nguyên đơn Trần Diễm K và bị đơn là ông Bùi Tấn T tự nguyện chung sống từ năm 2007 và đến năm 2020 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/9/2020. Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Bùi Tấn L, sinh ngày 16/6/2008 và Bùi Bảo N, sinh ngày 18/12/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không quan tâm, chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không hàn gắn được, nên bà đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng sống. Bà thấy là hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà quyết định ly hôn để trả tự do cho nhau.

Nguyên đơn Trần Diễm K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà K yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Tấn T.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu Bùi Tấn L, sinh ngày 16/6/2008 và cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 18/12/2017 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nuôi con chung do sau khi nộp khởi kiện tại Tòa án thì cháu L và cháu N, đã về ở với cha là ông T, nay nguyên đơn đồng ý cho ông T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu L và cháu N và nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi cháu L và cháu N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Bùi Tấn T: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của bà Trần Diễm K tại Thông báo thụ lý vụ án số: 151/TB-TLVA, ngày 21 tháng 6 năm 2024 và đã tống đạt hợp lệ cho ông T, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông T đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông. Nhưng ông không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà K và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông Bùi Tấn T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị

xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Trần Diễm K vắng mặt, nhưng bà K có đơn xin xét xử vắng mặt là thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn là ông Bùi Tấn T vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Diễm K, về việc yêu cầu xin ly hôn với ông Bùi Tấn T và đồng ý cho ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Tấn L, sinh ngày 16/6/2008 và cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 18/12/2017 đến tuổi trưởng thành và bà K không cấp dưỡng. Nhận thấy, các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về tài sản chung và nợ chung bà Kiều T1 trình bày không có và đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án bị đơn T không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 03 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn Kiều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Bùi Tấn T, sinh năm 1989 có địa chỉ tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn T vẫn vắng mặt không rõ lý do, riêng nguyên đơn Kiều vắng mặt, nhưng bà K có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn K và bị đơn T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông T sống chung từ năm 2007 và đến ngày 23/9/2020 mới đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/9/2020, nên quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông T là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ,*

chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn". Như vậy, bà K có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà K, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà K và ông T cũng có thời gian dài chung sống hạnh phúc bên nhau từ năm 2007 đến đầu năm 2024 và từ đó đến nay mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ đó cho đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án bà K kiên quyết ly hôn với ông T. Như vậy, bà K và ông T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà K là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà K ly hôn với ông T.

[5] Về con chung: Bà K đồng ý cho ông Bùi Tấn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tấn L, sinh ngày 16/6/2008 và cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 18/12/2027 cho đến khi cháu L và cháu N đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi bà K và ông T sống ly thân cho đến nay cháu L và cháu N đều do ông T trực tiếp chăm sóc, cuộc sống của cháu đang ổn định, tâm lý về mọi mặt được đảm bảo và cháu N hiện tại cũng được ông T cho cháu đi học đầy đủ và cháu L đang được ông Â cho học nghề. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của L thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*" chấp nhận yêu cầu của bà K giao cháu L và cháu N cho ông T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L và cháu N đủ 18 tuổi.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*". Đáng lẽ ra, bà K là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Tấn T đều không có yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi cháu L và cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Ngoài ra, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 còn quy định: "*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*". Như vậy, bà K là người không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Diễm K tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Diễm K và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà K là người xin ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235 và Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 81, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Diễm K

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Diễm K và ông Bùi Tấn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Bùi Tấn L (nam, sinh ngày 16/6/2008) và Bùi Bảo N (nữ, sinh ngày 18/12/2017) hiện đang sống chung với ông Bùi Tấn T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L và cháu N đủ 18 tuổi.

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

2.2. Bà K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở bà K thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Diễm K tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà K phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005080 ngày 03/6/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành, TST;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã TM, H. Châu Thành, TST;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ